

Số: 86/QĐ-BPH1

Bình Phước, ngày 01 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Phước

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Chánh thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Phước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng và tương đương thuộc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Phước; Giám đốc các chi nhánh Ngân hàng thương mại, Ngân hàng chính sách xã hội, Tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Tổ chức tài chính vi mô, Quỹ tín dụng nhân dân, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

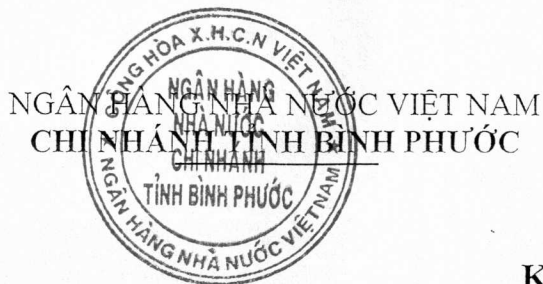
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTGSNH

GIÁM ĐỐC



Bùi Huy Thọ



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Của ngành Ngân hàng triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86 /QĐ-BPH1 ngày 01 / 7 /2021 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Phước)

Ngày 03/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành Kế hoạch hành động số 37/KH-UBND về việc thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt Kế hoạch hành động).

Để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch hành động theo từng giai đoạn, thực hiện thành công mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Kế hoạch hành động, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Phước (NHNN tỉnh) xây dựng Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai thực hiện Kế hoạch hành động (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), bao gồm những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH CỦA KẾ HOẠCH

1. Kế hoạch này nhằm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xác định trong Kế hoạch hành động liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành Ngân hàng để đạt được các mục tiêu và theo đúng quan điểm đã đề ra tại Kế hoạch hành động.

2. Kế hoạch này là căn cứ cho các phòng và tương đương thuộc NHNN tỉnh, các chi nhánh ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi tắt là Tổ chức tín dụng), chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán xây dựng hoặc điều chỉnh các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động theo chức năng, nhiệm vụ để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của đơn vị mình được quy định tại Kế hoạch hành động.

3. Kế hoạch này là căn cứ để tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động; đồng thời là căn cứ để phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét điều chỉnh mục tiêu, nội dung của Kế hoạch hành động trong trường hợp cần thiết.

II. CÁC YÊU CẦU CƠ BẢN CỦA KẾ HOẠCH

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung công việc, các nhiệm vụ xác định trong Kế hoạch này được dựa trên những yêu cầu cơ bản sau đây:

1. Quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan điểm cũng như các mục tiêu mà Kế hoạch hành động đã đề ra để thực hiện có hiệu quả:

1.1. Vai trò là cơ quan chủ trì tham mưu triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Tài chính toàn diện: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai; hướng dẫn, đôn đốc, đánh giá tình hình triển khai Kế hoạch hành động và xây dựng các báo cáo định kỳ hàng năm.

1.2. Vai trò chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan thuộc ngành Ngân hàng: triển khai đầy đủ, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch hành động tới các đơn vị trong ngành; giám sát quá trình thực hiện; đánh giá mức độ và khả năng đạt được các mục tiêu cụ thể trong từng giai đoạn và cuối thời kỳ của Kế hoạch hành động, đề xuất điều chỉnh mục tiêu phù hợp với bối cảnh khi cần thiết để đảm bảo tính khả thi cao.

2. Cụ thể hóa các yêu cầu tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động; thể hiện tính chủ động, sáng tạo của từng đơn vị và sự hợp tác giữa các đơn vị trong và ngoài ngành Ngân hàng trong việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp và việc đạt được mục tiêu đề ra tại Kế hoạch hành động.

3. Đảm bảo sự nhất quán với việc tổ chức thực hiện các chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các nghị quyết của Đảng, các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của ngành Ngân hàng trong từng thời kỳ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tin tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch hành động

1.1. Tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch hành động.

1.2. Xây dựng các chương trình truyền thông khác về Kế hoạch hành động.

2. Đánh giá thực hiện Kế hoạch hành động

2.1. Nội dung đánh giá bao gồm 04 nội dung:

- Việc rà soát, bổ sung, tích hợp nhiệm vụ liên quan đến triển khai Kế hoạch hành động vào kế hoạch/chương trình hành động hay chiến lược phát triển của các đơn vị;

- Tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch hành động được phân công;

- Mức độ và khả năng đạt được mục tiêu đặt ra cho từng giai đoạn và cuối thời kỳ Kế hoạch hành động;

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai và đề xuất bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch hành động (nếu cần thiết).

2.2. Biện pháp đánh giá: việc đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động được thông qua các biện pháp sau:

- Thông qua chế độ báo cáo:

+ Báo cáo chuyên đề hàng năm về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch hành động;

+ Báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Kế hoạch hành động vào năm 2025, chỉnh sửa, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo (nếu cần thiết);

+ Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch hành động vào năm 2030;

+ Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc NHNN tỉnh hoặc các cấp có thẩm quyền.

- Thông qua hình thức kiểm tra tại chỗ/điều tra, khảo sát thực tế:

+ Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động tại các đơn vị trong ngành Ngân hàng trên địa bàn tỉnh (nếu cần thiết);

+ Tổ chức điều tra, khảo sát việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch hành động (nếu cần thiết);

- Thông qua tổng hợp, phân tích số liệu thống kê để đánh giá mức độ và khả năng đạt được các mục tiêu của Kế hoạch hành động;

- Biện pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm thực hiện

3.1. Đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trên địa bàn tỉnh: triển khai các nội dung được phân công nêu tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch.

3.2. Đối với Thanh tra, giám sát ngân hàng

Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Các nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch.

b) Tham mưu cho Giám đốc Ngân hàng Nhà nước:

- Đánh giá quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch quy định tại khoản 2, Mục III;

- Xử lý những vướng mắc phát sinh liên quan đến việc triển khai thực hiện Kế hoạch của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trên địa bàn tỉnh;

- Đề xuất bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch hành động (nếu cần thiết).

c) Chủ trì xây dựng các báo cáo nêu tại gạch đầu dòng thứ nhất, điểm 2.2, khoản 2, Mục III.

3.3. Đối với Phòng Tổng hợp, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ

Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a) Các nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch.
- b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chia sẻ thông tin, thực hiện công tác truyền thông theo các nội dung quy định tại khoản 1, Mục III về việc thực hiện Kế hoạch hành động phù hợp với quy định hiện hành.
- c) Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện triển khai Kế hoạch.

3.4. Đối với Phòng Kế toán – Thanh toán:

Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a) Các nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch.
- b) Tham mưu, giúp Giám đốc hướng dẫn về tài chính theo quy định cho các đơn vị trong ngành để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch.
- c) Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện triển khai Kế hoạch.

4. Chế độ báo cáo

4.1. Nội dung và đối tượng thực hiện báo cáo

- Phòng Tổng hợp, nhân sự và Kiểm soát nội bộ, phòng Kế toán – Thanh toán báo cáo theo Phụ lục III ban hành kèm theo Kế hoạch;
- Các chi nhánh Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Chính sách xã hội, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính): báo cáo theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Kế hoạch;
- Quỹ tín dụng nhân dân: báo cáo theo Phụ lục V ban hành kèm theo Kế hoạch;
- Tổ chức tài chính vi mô: báo cáo theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Kế hoạch;
- Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: báo cáo theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Kế hoạch.

4.2. Thời hạn báo cáo

- Báo cáo chuyên đề hàng năm: chậm nhất ngày 31/1 của năm tiếp theo (Không thực hiện báo cáo chuyên đề năm 2025 và năm 2030).
- Báo cáo sơ kết giai đoạn 2020-2025: chậm nhất ngày 10/9/2025.
- Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch hành động: chậm nhất ngày 10/9/2030.

4.3. Thời gian chốt số liệu báo cáo

- Đối với báo cáo chuyên đề hàng năm: tính đến ngày 31/12 của năm báo cáo;
- Đối với báo cáo sơ kết giai đoạn 2020-2025: tính đến ngày 30/6/2025;
- Đối với báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch hành động: tính đến ngày 30/6/2030.

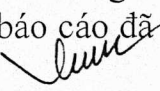
4.4. Nơi gửi báo cáo

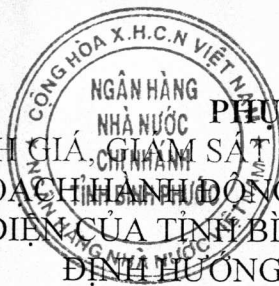
Theo “Nơi nhận” ghi tại cuối các mẫu báo cáo (Phụ lục III, IV, V, VI, VII).

4.5. Phương thức gửi, nhận báo cáo

Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy và được gửi bằng một trong các phương thức: gửi qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính; đồng thời gửi văn bản điện tử (định dạng .doc/.docx và xls/.xlsx) tới địa chỉ hòm thư điện tử của cơ quan nhận báo cáo (bph4@sbv.gov.vn).

4.6. Chính lý, bổ sung báo cáo

Trường hợp phải chỉnh lý, bổ sung nội dung, số liệu trong báo cáo, đơn vị lập báo cáo có trách nhiệm gửi báo cáo đã được chỉnh lý, bổ sung, kèm theo văn bản giải trình về việc chỉnh lý./. 

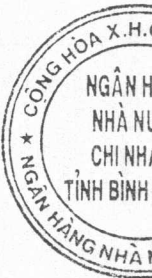


PHỤ LỤC I

**BỘ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT KẾ HOẠCH CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG
TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HẠNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH
TOÀN DIỆN CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **86 /QĐ-BPH** ngày **01/7** /2021 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Phước)

	Tên chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì cung cấp số liệu ¹	Đơn vị phối hợp	Thời điểm tính	Đơn vị tính
1.	Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch ² của các chi nhánh ngân hàng, QTDND bình quân trên 100.000 người trưởng thành ³	Thanh tra, giám sát ngân hàng	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Chi nhánh/Phòng giao dịch
2.	Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch của các chi nhánh ngân hàng, QTDND bình quân trên 1000 km ²	Thanh tra, giám sát ngân hàng	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Chi nhánh/Phòng giao dịch
3.	Số lượng máy ATM bình quân trên 100.000 người trưởng thành	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Máy
4.	Số lượng máy ATM bình quân trên 1000 km ²	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Máy
5.	Số lượng máy POS bình quân trên 100.000 người trưởng thành	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Máy
6.	Số lượng máy POS bình quân trên 1000 km ²	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Máy



7.	Số lượng đại lý ngân hàng bình quân trên 100.000 người trưởng thành	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Đại lý
8.	Số lượng đại lý ngân hàng bình quân trên 1000 km ²	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Đại lý
9.	Số lượng đại lý tiền di động ⁴ bình quân trên 100.000 người trưởng thành	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Đại lý
10.	Số lượng đại lý tiền di động bình quân trên 1000 km ²	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Đại lý
11.	Tỷ lệ phần trăm xã/thị trấn có điểm cung ứng dịch vụ tài chính ⁵ (không tính Ngân hàng Chính sách xã hội) trên tổng số xã/thị trấn trên địa bàn tỉnh	Thanh tra, giám sát ngân hàng	Phòng Tổng hợp, Nhân sự và kiểm soát nội bộ	Tính đến 31/12 hàng năm	%
12.	Số lượng tài khoản thanh toán của cá nhân tại các chi nhánh ngân hàng, QTDND bình quân trên 100.000 người trưởng thành	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Tài khoản
13.	Tỷ lệ phần trăm người trưởng thành có tài khoản thanh toán tại các chi nhánh ngân hàng, QTDND	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	%
14.	Số lượng thẻ ghi nợ đang lưu hành bình quân trên 100.000 người trưởng thành	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên	Tính đến 31/12 hàng năm	Thẻ

		địa bàn	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn						
15.	Số lượng giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt bình quân trên 100.000 người tương thành	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Món				
16.	Tỷ lệ phần trăm người trường thành có tiền gửi tiết kiệm ⁶ tại các chi nhánh ngân hàng, QTDND	Phòng Kế toán - Thanh toán	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	%				
17.	Tỷ lệ phần trăm người trường thành có dư nợ tín dụng tại các chi nhánh ngân hàng, QTDND trong 12 tháng qua	Phòng Tổng hợp, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	%				
18.	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa có dư nợ tín dụng tại các chi nhánh ngân hàng, QTDND trong 12 tháng qua	Phòng Tổng hợp, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Doanh nghiệp				
19.	Tổng dư nợ tín dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các chi nhánh ngân hàng, QTDND	Phòng Tổng hợp, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	Triều đông				
20.	Tỷ trọng dư nợ tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên tổng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế	Phòng Tổng hợp, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	%				
21.	Tỷ lệ phần trăm khiếu nại về tài chính được xử lý sát ngân hàng	Thanh tra, giám sát ngân hàng	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn	Tính đến 31/12 hàng năm	%				

Ghi chú:

1 Đối với các chỉ tiêu có mẫu số “100.000 người trưởng thành/người trưởng thành” (gồm chỉ tiêu 1, 3, 5, 7, 9, 12, 13, 14, 15, 21), “1000 km²” (gồm chỉ tiêu 2, 4, 6, 8, 10) và “số lượng xã/thị trấn trên địa bàn tỉnh” (chỉ tiêu 11):

- Thanh tra, giám sát ngân hàng, Phòng Kế toán - Thanh toán, Phòng Tổng hợp, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm cung cấp số liệu về giá trị của Tỷ số theo các chỉ tiêu.

- Phòng Tổng hợp, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm thu thập số liệu “người trưởng thành”, “số lượng xã/phường/thị trấn trên toàn tỉnh” của mẫu số từ Cục Thống kê.

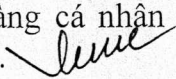
- Thanh tra, giám sát ngân hàng chịu trách nhiệm tính toán các chỉ tiêu.

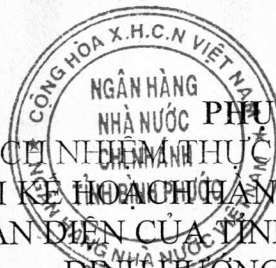
2 Thống kê số lượng chi nhánh, phòng giao dịch (bao gồm phòng giao dịch bưu điện), không tính điểm giao dịch, kiosk, tổ tiết kiệm và vay vốn

3 Người trưởng thành là người cư trú công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, số liệu của Cục Thống kê công bố tại từng thời điểm

4 Đại lý tiền di động được thống kê sau khi ban hành Quy định về đại lý tiền di động.

5 Điểm cung ứng dịch vụ tài chính bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch (bao gồm phòng giao dịch bưu điện) của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Hợp tác xã, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, không tính Ngân hàng Chính sách xã hội. Xã/thị trấn có điểm cung ứng dịch vụ tài chính là xã/thị trấn có một hoặc nhiều điểm cung ứng dịch vụ tài chính

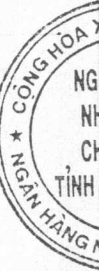
6 Người có tiền gửi tiết kiệm là khách hàng cá nhân có bất kỳ khoản tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng. 



PHỤ LỤC II
PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA NGÀNH NGÂN
HÀNG TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI
CHÍNH TOÀN DIỆN CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86 /QĐ-BPHI ngày 01 / 7 /2021 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Phước)

STT	Tên nhiệm vụ/ giải pháp cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả đầu ra	Thời hạn hoàn thành
1. Tham gia xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu tài chính toàn diện					
1.1	Tham gia xây dựng, hoàn thiện quy định về đại lý ngân hàng; tài khoản giao dịch theo các cấp độ với chính sách phí hợp lý; tiền điện tử và tài khoản tiền điện tử; việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính, nhất là những sản phẩm, dịch vụ dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ số	Phòng Kế toán – Thanh toán	Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan	2020-2025
1.2	Tham gia xây dựng và phát triển hệ thống các tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, hiệu quả, mở rộng sự tiếp cận dịch vụ tài chính cho người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ	Thanh tra, giám sát ngân hàng	Các đơn vị có liên quan	Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan	2020-2025
1.3	Tham gia xây dựng cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng	Phòng Kế toán – Thanh toán	Các đơn vị có liên quan	Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan	2020-2021
2. Khuyến khích, tạo điều kiện mở rộng mạng lưới, kênh cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính theo quy định, giúp người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng sản phẩm, dịch vụ tài chính thuận tiện, chi phí hợp lý					
2.1	Tạo điều kiện cho các tổ chức không phải ngân hàng có mạng lưới rộng khắp hoặc địa bàn hoạt động tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa (như các	Thanh tra, giám sát ngân hàng	Các ngân hàng thương mại đủ điều kiện, các đơn vị có liên	Các đại lý thanh toán của các ngân hàng thương mại	2020-2025



	quy tín dùng nhân dân, các tổ chức tài chính vi mô, bưu điện, trạm xăng, mạng lưới của các tổ chức viễn thông, mạng lưới của một số tổ chức khác không phải ngân hàng...) trở thành đại lý của ngân hàng nhằm nhân công mở rộng phạm vi các điểm cung ứng dịch vụ tài chính				
2.2	Đây mạnh thanh toán qua thiết bị di động; phát triển mạnh các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số, tài chính số cho người dân sống ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Thanh tra, giám sát ngân hàng, Phòng Kế toán – Thanh toán, các đơn vị có liên quan khác	- Các văn bản chỉ đạo liên quan - Chiến lược phát triển/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian và thanh toán và việc triển khai thực hiện	2020-2025
2.3	Mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ của các tổ chức tín dụng ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa tạo điều kiện thuận lợi cho người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa tiếp cận với các sản phẩm, dịch vụ tài chính				
2.3.1	Khuyến khích các tổ chức tín dụng phát triển mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	Số lượng tăng lên các chi nhánh và phòng giao dịch ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa	2020-2025
2.3.2	Tiếp tục sắp xếp, phát triển hợp lý mạng lưới ATM và POS trên toàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường; khuyến khích các ngân hàng, tổ chức khác đầu tư và mở rộng mạng	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Phòng Kế toán – Thanh toán, các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của từng tổ chức	2020-2025

	lưới ATM và POS tới khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa			tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và việc triển khai thực hiện	
2.4	Tạo điều kiện cho mạng lưới bưu chính công cộng hợp tác với các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính, tổ chức công nghệ tài chính phát triển các dịch vụ tài chính số với chi phí thấp phục vụ người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và việc triển khai thực hiện	2020-2025
2.5	Phát triển hệ thống các tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, hiệu quả, mở rộng sự tiếp cận dịch vụ tài chính cho người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, các doanh nghiệp siêu nhỏ				
2.5.1	Khuyến khích các tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô phát triển đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cho người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ và doanh nghiệp siêu nhỏ	Các tổ chức tài chính vi mô	Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của các tổ chức tài chính vi mô và việc triển khai thực hiện	2020-2025
2.5.2	Khuyến khích hợp tác giữa các tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô và các tổ chức công nghệ tài chính nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ để cung ứng dịch vụ đơn giản, thuận lợi, chi phí thấp tới người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa	Các tổ chức tài chính vi mô	Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của các tổ chức tài chính vi mô và việc triển khai thực hiện	2020-2025
2.6	Tăng cường năng lực các định chế tài chính chuyên biệt có định hướng hoạt động phù hợp với mục tiêu của tài chính toàn	Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển	Các phòng, ban NHNN tỉnh, các đơn vị có liên	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương	2020-2025

diện, bao gồm: Ngân hàng Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân, phù hợp với Chiến lược phát triển ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 8 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ	Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân	Nông thôn và Phát triển Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân và việc triển khai thực hiện
--	--	---

3. Phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đổi mới trong mục tiêu của tài chính toàn diện

3.1	Thực đẩy mạnh toàn không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho những đổi mới trong mục tiêu của tài chính toàn diện được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt
-----	--

3.1.1	Khuyến khích các ngân hàng cung cấp tài khoản thanh toán không chịu phí duy trì tài khoản và số dư tài khoản tối thiểu, có tính năng hạn chế, liên kết với thẻ ATM cho người về hưu, người hưởng trợ cấp xã hội, người già, người nghèo, học sinh, sinh viên và những đổi mới trong yêu cầu phù hợp khác để sử dụng các dịch vụ gửi tiền, rút tiền, chuyển tiền giá trị nhỏ, nhân lương hưu, trợ cấp xã hội và thanh toán hóa đơn dịch vụ tiện ích	Chi ngân hàng thương mại, chi ngân hàng chính sách xã hội, chi ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân	Phòng Kế toán – Thanh toán, các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch hàng năm, ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội, chi ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân và việc triển khai thực hiện
3.1.2	Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn; thành toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công; thu, nộp thuế, phí, lệ phí, thu phát ví phạm hành chính; các khoản chi ngân sách nhà nước và có nguồn gốc ngân sách nhà nước; chi trả lương hưu, trợ	Các chi ngân hàng thương mại, chi ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ	Phòng Kế toán – Thanh toán, các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch hàng năm, ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội, chi ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân và việc triển khai thực hiện

	cấp bảo hiểm xã hội, chi trả các chương trình an sinh xã hội; thanh toán các hóa đơn định kỳ: điện, nước, viễn thông, học phí, viện phí; trả lương cho người lao động tại các doanh nghiệp.	trung gian thanh toán		chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và việc triển khai thực hiện	
3.2 Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông thôn					
3.2.1	Nâng cao hiệu quả cho vay hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong nước thông qua ứng dụng công nghệ cao và liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Các phòng, ban NHNN tỉnh	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/ Kế hoạch hành động của từng ngân hàng thương mại, QTDND và việc triển khai thực hiện	2020-2025
3.2.2	Phát triển các sản phẩm cho vay tiêu dùng phù hợp với đối tượng vay tiêu dùng, có mức lãi suất hợp lý, góp phần ngăn chặn “tín dụng đen”	Các Công ty tài chính, các chi nhánh ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân	Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025
3.3 Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh					
3.3.1	Phát triển các hình thức cho vay tín chấp, thế chấp bằng hàng hóa, tài sản trên đất, động sản và dòng tiền	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Thanh tra, giám sát ngân hàng, Phòng Tổng hợp, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ, các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025

			khác		
3.3.2	Khuyến khích các tổ chức tín dụng mở rộng việc cung ứng các hình thức cho vay không yêu cầu tài sản thế chấp với các hình thức quản lý vốn vay phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Thanh tra, giám sát ngân hàng, Phòng Tổng hợp, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ, các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch hành động của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và việc triển khai thực hiện	2020-2025
3.3.3	Khuyến khích các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô cung ứng sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu khác nhau của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh	Các công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	Các đơn vị có liên quan	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch hành động của từng công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và việc triển khai thực hiện	2020-2025
4. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng tài chính, thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện					
	Tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động ngân hàng điện tử để tạo niềm tin cho công chúng và bảo vệ người tiêu dùng tài chính	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Phòng Kế toán – Thanh toán, các đơn vị có liên quan khác	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025
5. Giáo dục tài chính, nâng cao năng lực và kiến thức tài chính; bảo vệ người tiêu dùng tài chính					
5.1	Xây dựng và triển khai các	Các tổ chức	Các phòng,	Các chương	2020-

	chương trình nhằm cung cấp thông tin cho người dân hiểu rõ về lợi ích, chi phí, rủi ro cùng phương thức quản lý và sử dụng hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ tài chính; đồng thời công khai quy trình xử lý khiếu nại, tranh chấp cho tất cả các đối tượng khách hàng sử dụng dịch vụ	tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	ban NHNN tỉnh	trình giáo dục tài chính cho người dân	2025
5.2	Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ đối với người tiêu dùng tài chính	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Các đơn vị có liên quan	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và việc triển khai thực hiện	2020-2025
5.3	Đẩy mạnh chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, Hội nghị gặp gỡ, tri ân khách hàng; hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ,... nâng cao năng lực quản trị, điều hành, tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, sử dụng vốn vay hiệu quả.	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Các phòng, ban NHNN tỉnh	Các chương trình, hội nghị kết nối ngân hàng - doanh nghiệp	2020-2025
5.4	Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm vi phạm pháp luật, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Xử lý kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh của người dân liên quan đến hoạt động tài chính, ngân hàng	Thanh tra, giám sát ngân hàng	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025
5.5	Tăng cường trao đổi thông tin về âm mưu, phương thức, thủ	Các tổ chức tín dụng, chi	Các phòng, ban NHNN	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025

			đoàn hoạt động của các loại đội tặc và công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các loại tội phạm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	nhân ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ tư vấn gian thành toán	tỉnh		
--	--	--	---	--	------	--	--

luuu

PHỤ LỤC III
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG
TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH
TOÀN DIỆN CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số **86** /QĐ-BPH1 ngày **01/7** /2021 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Phước)

- Tên đơn vị¹:
- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):
- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):

I. Kết quả triển khai nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch²

(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)

STT	Tên nhiệm vụ	Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo	Khả năng hoàn thành theo dự kiến (Áp dụng đối với các nhiệm vụ có quy định thời hạn hoàn thành)
I	Các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục I của Kế hoạch		
II	Các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch		
III	Các nhiệm vụ nêu tại khoản 3, Mục III của Kế hoạch		

II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ)

III. Công tác phối hợp trong việc triển khai nhiệm vụ

(Nêu thực trạng công tác phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai nhiệm vụ)

IV. Đề xuất, kiến nghị

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục II, III ở trên (nếu có);
- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch (nếu có);
- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

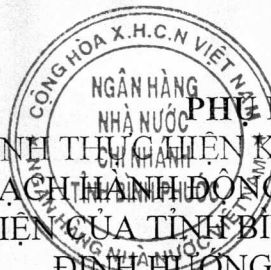
Nơi nhận:
- TTGSNH;

....., ngày ... tháng ... năm
(Người ký Báo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng: Phòng Tổng hợp, nhân sự và Kiểm soát nội bộ, Phòng Kế toán – Thanh toán;

² Các đơn vị chỉ báo cáo đối với các nhiệm vụ mà mình chủ trì tại khoản 3 Mục III của Kế hoạch hành động, Phụ lục I, Phụ lục II.



PHỤ LỤC IV
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG
TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH ĐỒNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH
TOÀN DIỆN CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2025,
ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số **86** /QĐ-BPH1 ngày **01/7** /2021 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Phước)

- Tên đơn vị¹:
- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):
- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):

I. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch

(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kỳ báo cáo trước)

1. Việc phát triển đa dạng các kênh phân phối hỗ trợ cho mọi người dân và doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản một cách thuận tiện, với chi phí hợp lý

a. Phát triển mô hình đại lý ngân hàng²

Đánh giá việc triển khai mô hình đại lý ngân hàng (nếu có) qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- Số lượng đại lý được thành lập; trong đó: số lượng đại lý ngân hàng được thành lập ở địa bàn nông thôn (đơn vị hành chính là xã/thị trấn) và số lượng đại lý ngân hàng được thành lập ở địa bàn thành thị (đơn vị hành chính là phường);

- Các dịch vụ cung cấp qua đại lý;

- Chất lượng dịch vụ cung cấp (sự thuận tiện khi giao dịch qua đại lý, tỷ lệ khiếu nại của khách hàng liên quan đến các dịch vụ do đại lý cung cấp trên tổng khiếu nại tài chính nhận được);

- Các biện pháp đã và đang triển khai để phát triển mô hình đại lý ngân hàng;

- Kết quả hoạt động đại lý ngân hàng (số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ thông qua đại lý, doanh thu từ phí dịch vụ).

b. Phát triển các kênh phân phối hiện đại³ dựa trên ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là qua điện thoại di động

Đánh giá việc phát triển các kênh phân phối hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số của tổ chức qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- Tình hình phát triển các kênh phân phối hiện đại để cung cấp sản phẩm, dịch vụ; số lượng kênh phân phối đang cung cấp tại các vùng nông thôn⁴, vùng sâu, vùng xa⁵;

- Các biện pháp đã và đang triển khai liên quan đến việc phát triển các kênh phân phối hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số;

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu về phát triển các kênh phân phối hiện đại, về quản trị, điều hành và quản lý rủi ro;

- Các biện pháp phòng ngừa và đảm bảo an ninh công nghệ thông tin đã triển khai;



- Tình hình hợp tác với các tổ chức công nghệ tài chính, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các tổ chức khác trong việc phát triển các kênh phân phối, các giải pháp thanh toán mới để cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chi phí thấp, thuận tiện, an toàn, phù hợp, để sử dụng phù hợp với điều kiện ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

c. Mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa

Đánh giá việc mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa của tổ chức qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- Tổng số lượng chi nhánh, phòng giao dịch, ATM, POS; tốc độ tăng/giảm số với năm trước⁶;

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch mở tại xã/thị trấn (tính cho địa bàn nông thôn);

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch mở tại xã/phường/thị trấn (tính trên toàn quốc);

- Tỷ lệ phần trăm chi nhánh, phòng giao dịch mở tại xã/thị trấn trên tổng số lượng chi nhánh, phòng giao dịch toàn hệ thống của đơn vị báo cáo;

- Các biện pháp đã và đang triển khai để mở rộng độ bao phủ chi nhánh, phòng giao dịch, ATM, POS ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

2. Việc phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện

a. Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt

Đánh giá việc tạo điều kiện cho những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của tổ chức qua một số nội dung sau:

- Việc cung cấp tài khoản thanh toán không chịu phí duy trì tài khoản và số dư tài khoản tối thiểu, liên kết với thẻ ATM cho người về hưu, người hưởng trợ cấp xã hội, người già, người nghèo, học sinh, sinh viên và những đối tượng yếu thế phù hợp khác;

- Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh việc thanh toán dịch vụ công, chi trả an sinh xã hội, thanh toán lương, thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

b. Phát triển và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện

Đánh giá việc phát triển và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện của tổ chức qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- Các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính linh hoạt phù hợp với người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa:

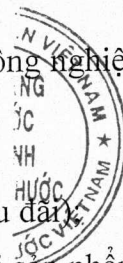
+ Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu;

- + Nội dung sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, lãi suất, chính sách ưu đãi);
- + Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính linh hoạt phù hợp với người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.
- Các loại dịch vụ thanh toán, chuyển tiền dễ sử dụng và phù hợp với điều kiện ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa;
- + Các dịch vụ tiêu biểu;
- + Nội dung dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, phí, chính sách ưu đãi);
- + Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại dịch vụ thanh toán, chuyển tiền dễ sử dụng và phù hợp với điều kiện ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.
- Các loại sản phẩm cho vay tiêu dùng phù hợp với đối tượng vay tiêu dùng, có lãi suất hợp lý;
- + Các sản phẩm tiêu biểu;
- + Nội dung sản phẩm tiêu biểu (thủ tục, lãi suất cho vay, chính sách ưu đãi);
- + Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm cho vay tiêu dùng phù hợp với đối tượng vay tiêu dùng, có lãi suất hợp lý.
- Các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông thôn;
- + Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu;
- + Nội dung sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, lãi suất, chính sách ưu đãi);
- + Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông thôn.
- Các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh.
- + Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu;
- + Nội dung sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, lãi suất, chính sách ưu đãi);
- + Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh.

3. Việc xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính

Đánh giá tình hình xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính qua một số nội dung sau:

- a. Xây dựng và triển khai các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính
 - Số lượng chương trình đã được xây dựng và triển khai;
 - Nội dung chương trình;
 - Hình thức triển khai;



- Kết quả (số lượng người tham gia các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính);

- Việc phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - nghề nghiệp, các tổ chức khác trong xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục tài chính.

b. Bảo vệ người tiêu dùng tài chính

- Công bố thông tin;

- Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ;

- Minh bạch hóa cách tiếp cận và giải quyết tranh chấp của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính đối với người tiêu dùng tài chính;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về tài chính;

- Bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động ngân hàng điện tử.

II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nếu có thể nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai)

III. Đề xuất, kiến nghị⁷

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục II ở trên;

- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch (nếu có);

- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:

- NHNN tỉnh;

....., ngày ... tháng ... năm

(Người ký Bảo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng các chỉ nhân Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Chính sách xã hội, chỉ nhân ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính)

² Việc đánh giá tình hình triển khai hoạt động đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán) được thực hiện sau khi ban hành Quy định về đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán)

³ Kênh phân phối hiện đại bao gồm ATM, POS, Mobile Banking, Internet Banking, khác (liệt kê nếu có)

⁴ Nông thôn là khu vực địa giới hành chính xã và thị trấn, không bao gồm phường thuộc thị xã và thành phố

⁵ Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kèm phát triển (Theo quy định tại Nghị định số 114/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017).

⁶ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt thông kê cả phòng giao dịch bưu điện. Không yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng đánh giá các nội dung liên quan đến phát triển ATM, POS

⁷ Đề nghị chỉ đưa vào báo cáo những nội dung liên quan trực tiếp đến việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Kế hoạch hoặc những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị liên quan đến quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch nhưng chưa được đề cập tại các báo cáo khác đã gửi Ngân hàng Nhà nước.



PHỤ LỤC V
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG
TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH
TOÀN DIỆN CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số **86** /QĐ-BPH1 ngày **01 / 7** /2021 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Phước)

- Tên đơn vị¹:
- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):
- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):

I. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch

(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kỳ báo cáo trước)

1. Việc phát triển mô hình đại lý ngân hàng²

Đánh giá việc triển khai hoạt động đại lý ngân hàng (nếu có) qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- a. Số lượng đại lý được thành lập; tình hình phân bổ đại lý ngân hàng trên các địa bàn;
- b. Các dịch vụ cung cấp qua đại lý;
- c. Chất lượng dịch vụ cung cấp (sự thuận tiện khi giao dịch qua đại lý, tỷ lệ khiếu nại của khách hàng liên quan đến các dịch vụ do đại lý cung cấp trên tổng khiếu nại về tài chính nhận được);
- d. Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh hoạt động đại lý ngân hàng;
- đ. Kết quả hoạt động đại lý ngân hàng (số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ thông qua đại lý, doanh thu từ phí dịch vụ).

2. Việc mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ

Đánh giá việc mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ của quỹ qua một số chỉ tiêu/nội dung sau.

- Thống kê chi tiết mạng lưới của quỹ (địa điểm nơi đặt quỹ, phòng giao dịch của quỹ) theo từng đơn vị hành chính xã/phường/thị trấn và từng đơn vị hành chính huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh trên bảng tính Excel và gửi kèm file định dạng .xls hoặc .xlsx cùng với Phụ lục V;
- Số lượng xã/thị trấn có đặt trụ sở quỹ tín dụng nhân dân/phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân (tính cho địa bàn nông thôn);
- Số lượng xã/phường/thị trấn có đặt trụ sở quỹ tín dụng nhân dân/phòng giao dịch của quỹ;
- Kết quả hoạt động của quỹ (số lượng khách hàng, tổng dư nợ cho vay, tổng huy động, tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ).

3. Việc phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện



Đánh giá việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện qua một số nội dung sau

- a. Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu;
- b. Nội dung sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, chính sách ưu đãi);
- c. Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính linh hoạt phù hợp với người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ ở vùng nông thôn³, vùng sâu, vùng xa⁴.

4. Việc xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính

Đánh giá việc xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về Bảo vệ người tiêu dùng tài chính qua một số nội dung sau:

- a. Xây dựng và triển khai các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính
 - Số lượng chương trình đã được xây dựng và triển khai;
 - Nội dung chương trình;
 - Hình thức triển khai;
 - Kết quả (số lượng người tham gia các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính);
 - Việc phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - nghề nghiệp, các tổ chức khác trong xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục tài chính.
- b. Bảo vệ người tiêu dùng tài chính
 - Công bố thông tin;
 - Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ;
 - Minh bạch hóa cách tiếp cận và giải quyết tranh chấp của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính đối với người tiêu dùng tài chính;
 - Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp tài chính.

II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai)

III. Đề xuất, kiến nghị⁵

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục II ở trên;
- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch (nếu có);
- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:
NHNN tỉnh;

....., ngày ... tháng ... năm
(Người ký Báo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng Quỹ tín dụng nhân dân

² Việc đánh giá tình hình triển khai hoạt động đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán) được thực hiện sau khi ban hành Quy định về đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán)

³ Nông thôn là khu vực địa giới hành chính xã và thị trấn, không bao gồm phường thuộc thị xã và thành phố.

⁴ Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kèm phát triển (Theo quy định tại Nghị định số 114/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017).

⁵ Đề nghị chỉ đưa vào báo cáo những nội dung liên quan trực tiếp đến việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Kế hoạch hoặc những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị liên quan đến quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch nhưng chưa được đề cập tại các báo cáo khác đã gửi Ngân hàng Nhà nước.





PHỤ LỤC VI
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG
TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HẠN ĐỒNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH
TOÀN DIỆN CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số **86** /QĐ-BPH1 ngày **01/7** /2021 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Phước)

- Tên đơn vị¹:
- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):
- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):

I. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch

(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kỳ báo cáo trước)

1. Việc phát triển mô hình đại lý ngân hàng²

Đánh giá việc triển khai hoạt động đại lý ngân hàng (nếu có) qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- a. Số lượng đại lý được thành lập; Tình hình phân bổ đại lý ngân hàng trên các địa bàn;
- b. Các dịch vụ cung cấp qua đại lý;
- c. Chất lượng dịch vụ cung cấp (sự thuận tiện khi giao dịch qua đại lý, tỷ lệ khiếu nại của khách hàng liên quan đến các dịch vụ do đại lý cung cấp trên tổng khiếu nại về tài chính nhận được);
- d. Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh hoạt động đại lý ngân hàng;
- đ. Kết quả hoạt động đại lý ngân hàng (số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ thông qua đại lý, doanh thu từ phí dịch vụ).

2. Việc mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ

Đánh giá việc mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ của tổ chức qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- Thống kê chi tiết mạng lưới của tổ chức (địa điểm nơi đặt trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, tổ/điểm giao dịch của tổ chức) theo từng đơn vị hành chính xã/phường/thị trấn và từng đơn vị hành chính huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh trên bảng tính Excel và gửi kèm file định dạng .xls hoặc .xlsx cùng với Phụ lục VI;
- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch, tổ/điểm giao dịch;
- Số lượng xã/thị trấn có chi nhánh, phòng giao dịch;
- Kết quả hoạt động của tổ chức tài chính vi mô (số lượng khách hàng, tổng dư nợ cho vay, tổng huy động, tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ).

3. Việc phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện

- a. Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu;
- b. Nội dung sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, chính sách ưu đãi);



c. Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính linh hoạt phù hợp với người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ ở vùng nông thôn³, vùng sâu, vùng xa⁴.

4. Việc xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về Bảo vệ người tiêu dùng tài chính

Đánh giá việc xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính của tổ chức qua một số nội dung sau:

- a. Xây dựng và triển khai các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính
 - Số lượng chương trình đã được xây dựng và triển khai;
 - Nội dung chương trình;
 - Hình thức triển khai;
 - Kết quả (số lượng người tham gia các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính);
 - Việc phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - nghề nghiệp, các tổ chức khác trong xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục tài chính.
- b. Bảo vệ người tiêu dùng tài chính
 - Công bố thông tin;
 - Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ;
 - Minh bạch hóa cách tiếp cận và giải quyết tranh chấp của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính đối với người tiêu dùng tài chính;
 - Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp tài chính.

II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai)

III. Đề xuất, kiến nghị⁵

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục II ở trên;
- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch (nếu có);
- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:

- NHNN tỉnh;

....., ngày ... tháng ... năm

(Người ký Báo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng các tổ chức tài chính vi mô được cấp phép trên địa bàn tỉnh.

² Việc đánh giá tình hình triển khai hoạt động đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán) được thực hiện sau khi ban hành Quy định về đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán).

³ Nông thôn là khu vực địa giới hành chính xã và thị trấn, không bao gồm phường thuộc thị xã và thành phố

⁴ Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế

thường lạc hậu, kèm phát triển (Theo quy định tại Nghị định số 114/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017)
⁵ Đề nghị chỉ đưa vào báo cáo những nội dung liên quan trực tiếp đến việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Kế hoạch hoặc những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị liên quan đến quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch nhưng chưa được đề cập tại các báo cáo khác đã gửi Ngân hàng Nhà nước.



- Việc hợp tác với các ngân hàng, tổ chức công nghệ tài chính, tổ chức cung ứng dịch vụ công (Khoa bác, Thuyết, Hải quan, cơ quan hành chính, trường học, bệnh viện), tổ chức cung ứng dịch vụ tiên ích (viễn thông, điện, nước, truyền hình) và các tổ chức khác trong việc phát triển các giải pháp thanh toán phù hợp với các giao dịch thanh toán cá nhân.

3. Về việc hoàn thiện hạ tầng thanh toán

Đánh giá việc tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động ngân hàng điện tử để tạo niềm tin cho công chúng và bảo vệ người tiêu dùng tài chính của tổ chức qua một số nội dung sau:

- Các biện pháp phòng ngừa và đảm bảo an ninh công nghệ thông tin đã triển khai;

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu về phát triển các kênh/công thanh toán hiện đại, về quản trị, điều hành và quản lý rủi ro.

III. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai)

IV. Đề xuất, kiến nghị⁴

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục III ở trên;

- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch (nếu có);

- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:

- NHNN tỉnh;

....., ngày ... tháng ... năm

(Người ký Bảo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán địa bàn tỉnh.

² Nông thôn là khu vực địa giới hành chính xã và thị trấn, không bao gồm phường thuộc thị xã và thành phố.

³ Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kèm phát triển (Theo quy định tại Nghị định số 114/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017).

⁴ Đề nghị chỉ đưa vào báo cáo những nội dung liên quan trực tiếp đến việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Kế hoạch hoặc những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị liên quan đến quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch nhưng chưa được đề cập tại các báo cáo khác đã gửi Ngân hàng Nhà nước.